

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 19/4/2019
V/v: *Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Hùng
2. Bà Lưu Thị Sen

- Th- ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 19/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2018 về việc: *Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 06/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Viết A** – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị B** - sinh năm 1990

Địa chỉ: SN F Phố G, TT. E, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh A, vắng mặt chị B không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ngày 12/10/2018 và bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn anh Lê Viết A trình bày:

Anh và chị Phạm Thị B được Tòa án nhân dân huyện E công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2016/QĐHNGĐ – ST ngày 21/12/2016; trong Quyết định hai bên thỏa thuận chị B là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị là cháu Lê Viết Đức H – sinh ngày 30/6/2015, anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 01/2017 cho đến khi cháu thành niên.

Sau khi ly hôn, do không xin được việc làm, không có khả năng trực tiếp nuôi con, nên đầu tháng 02/2017 chị B đã giao con lại cho anh nuôi dưỡng. Khi được chị B giao con cho anh nuôi dưỡng, anh đã báo cáo với Chi cục thi hành án

dân sự huyện E và UBND thị trấn E về việc anh đã trực tiếp nuôi con và đề nghị Chi Cục thi hành án dân sự huyện E dừng việc thu tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh từ tháng 02/2017. Kể từ khi được chị B giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh đã chăm sóc, nuôi dưỡng con chu đáo, quyền lợi về mọi mặt của con đều được đảm bảo. Đến nay cháu Lê Viết Đức H đã trên 36 tháng tuổi và anh vẫn đang trực tiếp nuôi con.

Để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh được thuận lợi, anh đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con giữa anh và chị B trong Quyết định số 76/2016/QĐHNGĐ – ST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện E, giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết Đức H. Khi anh được trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị B: Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị B, thông báo cho chị B ngày giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện chị B đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương, nhưng chị B thường xuyên vắng mặt tại gia đình và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của chị B, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa chị B cũng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng thôn C, xã D cung cấp như sau: Anh Lê Viết A và chị Phạm Thị B kết hôn với nhau và có 01 con chung là cháu Lê Viết Đức H – sinh ngày 30/6/2015. Năm 2016 anh chị đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2016/QĐHNGĐ – ST ngày 21/12/2016, hai bên đã thỏa thuận chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, nhưng từ tháng 02/2017 đến nay địa phương nắm được cháu H ở cùng với anh A tại thôn C, xã D, huyện E, anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Nay anh A có đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết giao con cho anh A, để cháu H có điều kiện được chăm sóc, học hành được tốt nhất.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Đối với giai đoạn từ khi thụ lý vụ án: Nguyên đơn không thuộc trường hợp được miễn, giảm tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nhưng Tòa án khi nhận đơn khởi kiện không thông báo cho nguyên đơn nộp tạm ứng án phí và đã thụ lý giải quyết vụ án khi đương sự chưa nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí, đã vi phạm khoản 1, khoản 3 Điều 195 BLTTDS năm 2015. Đối với giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ-ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ong sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Viết **A**. Giao cháu Lê Viết Đức **H** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của anh **A** không yêu cầu chị **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Anh **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh **A** vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện của mình. Chị **B** vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị **B** đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị **B**.

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Lê Viết **A**. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bị đơn chị Phạm Thị **B** có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số nhà **F** phố **G**, TT. **E**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

[2]Về nội dung: Anh Lê Viết **A** và chị Phạm Thị **B** kết hôn với nhau và có 01 con chung: Cháu Lê Viết Đức **H** – sinh ngày 30/6/2015. Trong quá trình chung sống giữa anh **A** và chị **B** phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2016/QĐHNGĐ – ST ngày 21/12/2016, hai bên đã thỏa thuận chị **B** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H**, anh **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng.

Sau khi ly hôn, chị **B** là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H** cho đến tháng 02/2017 thì chị **B** giao cháu **H** cho anh **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngày 10/3/2017 anh **A** đã có đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương đến Chi cục thi hành án dân sự huyện **E** để dừng việc cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H**. Theo lời trình bày của anh **A** thì từ khi cháu **H** ở với anh và do anh trực tiếp chăm sóc, anh luôn chu đáo chăm sóc cháu để cháu phát triển tốt nhất và bảo đảm về mọi mặt cho cháu, hiện nay cháu luôn khỏe mạnh và đi học ở trường mầm non nơi anh sinh sống; trong thời gian cháu **H** ở với anh chị **B** cũng không đến thăm nom, chăm sóc cháu. Nay anh mong muốn và đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con từ chị **B** sang cho anh và anh tự nguyện không yêu cầu chị **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh, để anh thuận tiện trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Hiện nay anh **A** đang làm nghề

kinh doanh cùng với bố mẹ tại gia đình và có thu nhập ổn định, đảm bảo được điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu **H**. Đối với chị **B**, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay chị **B** vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện chị **B** có thái độ bỏ mặc và không có thiện chí tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **H**. Xét thấy chị Phạm Thị **B** không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H**.

Xét yêu cầu của anh Lê Viết **A** là hoàn toàn phù hợp với thực tế, bảo đảm được mọi mặt của cháu, quy định của pháp luật, nên chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Viết **A**. Xử giao cháu Lê Viết Đức **H** – sinh ngày 30/6/2015 là con chung của anh **A**, chị **B** cho anh **A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về án phí: Khi nghiên cứu hồ sơ khởi kiện của anh Lê Viết **A** Tòa án đã xác định đây là vụ việc dân sự thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí Tòa án theo điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nên đã không ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí mà tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc trường hợp đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên buộc nguyên đơn anh Lê Viết **A** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Viết **A**

Giao cháu Lê Viết Đức **H** – sinh ngày 30/6/2015 là con chung của anh Lê Viết **A** và chị Phạm Thị **B** cho anh **A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị **B** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Viết **A** phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST.

Ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Anh **A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **B** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đ-ơng sự;
- VKS huyện E;
- THA huyện E;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
--------------------------	--------------------------------------

